



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31-12-2008

STT	TÀI SẢN	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2008	Số liệu tại ngày 01/01/2008
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	377.206.739.656	296.555.713.523
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	40.027.797.312	23.789.076.972
1	Tiền	111	40.027.797.312	23.789.076.972
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2.998.000.000	450.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121	2.998.000.000	450.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	212.197.897.179	198.089.743.075
1	Phải thu khách hàng	131	143.311.651.309	148.447.257.737
2	Trả trước cho người bán	132	65.504.701.952	45.045.814.780
3	Các khoản phải thu khác	138	3.381.543.918	4.596.670.558
IV	Hàng tồn kho	140	110.372.842.377	60.317.331.476
1	Hàng tồn kho	141	110.372.842.377	60.317.331.476
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	11.610.202.788	13.909.562.000
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7.566.632.817	11.270.836.742
2	Tài sản ngắn hạn khác	158	4.043.569.971	2.638.725.258
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	244.185.871.448	150.275.617.247
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		
II	Tài sản cố định	220	229.638.696.463	136.756.684.247
1	Tài sản cố định hữu hình	221	226.867.259.075	136.239.302.430
	- Nguyên giá	222	344.788.972.115	229.994.139.678
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(117.921.713.040)	(93.754.837.248)
2	Tài sản cố định vô hình	224	509.278.380	204.000.000
	- Nguyên giá	225	566.937.273	204.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226	(57.658.893)	
3	Tài sản cố định thuê tài chính	227		
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	2.262.159.008	313.381.817
III	Bất động sản đầu tư	240	102.745.000	102.745.000
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13.291.000.000	13.291.000.000
1	Đầu tư vào Công ty con	251		
2	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	13.200.000.000	13.200.000.000
3	Đầu tư dài hạn khác	258	91.000.000	91.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260	1.153.429.985	125.188.000
1	Tài sản dài hạn khác	268	1.153.429.985	125.188.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		621.392.611.104	446.831.330.770

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2008	Số liệu tại ngày 01/01/2008
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	<u>561.213.278.892</u>	<u>391.694.856.049</u>
I	Nợ ngắn hạn	310	<u>459.968.862.725</u>	<u>325.992.786.189</u>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	179.942.331.336	169.682.593.393
2	Phải trả người bán	312	59.316.460.041	40.295.507.629
3	Người mua trả tiền trước	313	148.890.334.845	47.609.009.749
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	9.538.130.297	5.456.541.325
5	Phải trả công nhân viên	315	8.111.921.995	18.783.585.353
6	Chi phí phải trả	316	11.073.336.672	12.892.392.911
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	318	43.096.347.539	31.273.155.829
II	Nợ dài hạn	330	<u>101.244.416.167</u>	<u>65.702.069.860</u>
1	Vay và nợ dài hạn	334	99.490.082.242	64.622.613.613
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	1.754.333.925	1.079.456.247
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	<u>58.896.624.312</u>	<u>54.009.567.155</u>
I	Vốn chủ sở hữu	410	<u>58.087.801.371</u>	<u>53.034.307.431</u>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	35.000.000.000	35.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	8.497.900.000	8.497.900.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413	10.426.496.010	8.616.473.451
4	Quỹ đầu tư phát triển	417	2.689.962.618	
5	Quỹ dự phòng tài chính	418	1.437.100.492	898.769.236
6	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	36.342.251	21.164.744
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	<u>808.822.941</u>	<u>975.259.724</u>
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	808.822.941	975.259.724
2	Nguồn kinh phí	432		
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	<u>1.282.707.900</u>	<u>1.126.907.566</u>
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>621.392.611.104</u>	<u>446.831.330.770</u>

Ngày 20-02-2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG 47**

Mẫu số B 02-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2008

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	605.981.336.965	462.765.732.239
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	169.149.651	162.317.831
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	605.812.187.314	462.603.414.408
4	Giá vốn hàng bán	11	540.581.237.630	418.778.379.829
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	65.230.949.684	43.825.034.579
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.841.527.796	401.310.801
7	Chi phí tài chính	22	37.504.455.939	16.965.448.297
8	Chi phí bán hàng	24		73.848.289
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	18.899.992.703	14.826.717.692
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	13.668.028.838	12.360.331.102
11	Thu nhập khác	31	1.519.408.028	1.919.433.797
12	Chi phí khác	32	661.683.032	39.396.700
13	Lợi nhuận khác	40	857.724.996	1.880.037.097
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	14.525.753.834	14.240.368.199
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.819.987.345	3.973.251.402
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12.705.766.489	10.267.116.797
17	Lợi ích của cổ đông thiểu số		19.992.253	14.139.720
18	Lợi ích của Công ty mẹ		12.685.774.236	10.252.977.077

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 20-02-2009
TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2008

Chi tiêu	MS	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	824.185.307.749	455.829.498.387
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	611.617.737.128	397.305.461.107
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	94.126.876.278	79.317.060.084
4. Tiền chi trả lãi vay	4	37.744.042.929	20.456.579.736
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	1.841.695.380	1.449.891.896
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.403.079.239	7.109.344.360
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	1.669.530.000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	78.588.505.273	(35.590.150.076)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	99.154.115.208	80.823.496.072
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	7.435.560.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.243.268.379	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(95.910.846.829)	(88.259.056.072)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	155.000.000	28.609.300.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	355.020.263.245	300.002.626.340
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	309.646.480.760	213.961.938.916
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	11.971.100.000	4.430.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	33.557.682.485	110.219.987.424
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	16.235.340.929	(13.629.218.724)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.789.076.972	37.418.174.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.379.411	121.435
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	40.027.797.312	23.789.076.972

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 20-02-2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM 2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP :

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh :

3. Ngành nghề kinh doanh :

- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng
- Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng
- Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu
- Đại tu xe máy thi công
- Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí, sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ Massage.
- Đại lý rượu, bia, nước giải khát. Đại lý dịch vụ Internet.
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác.
- Đại lý thu đổi ngoại tệ.
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.
- Tổ chức hội nghị, hội thảo.
- Dịch vụ quảng cáo.
- Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa.
- Tư vấn du học.
- Kinh doanh vận chuyển khách bằng ô tô theo hợp đồng.
- Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí trên biển.
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. (Hoạt động phải đảm bảo các điều kiện và Giấy phép KD theo quy định)

4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất :

Công ty CP du lịch Hàm Hô

Địa chỉ : Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ và quyền biểu quyết

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ	80,72%	72%
Quyền biểu quyết	80,72%	72%
Vốn Công ty con	6.603.000.000	3.968.000.000
Vốn góp Công ty mẹ	5.330.000.000	2.850.000.000
Vốn góp cổ đông tối thiểu	1.273.000.000	1.118.000.000

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt nam phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt nam . Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt nam .

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán đăng ký áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm

Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con : Các Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát . Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một Công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của Công ty con đó . Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực . Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát .

Công ty liên doanh và các Công ty liên kết : Công ty liên doanh là các công ty mà Công ty mẹ có quyền đồng kiểm soát với bên liên doanh khác . Các công ty liên kết là các công ty chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty mẹ nhưng không chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ . Các báo cáo tài chính hợp nhất ghi nhận lợi ích của Công ty mẹ trên lỗ hoặc lãi của công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu, kể từ ngày chuyển quyền đồng kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến khi kết thúc .

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất : Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất . Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết và công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của Công ty mẹ trong công ty đó . Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản .

Nguyên tắc, trình tự và phương pháp hợp nhất

Nguyên tắc

Công ty mẹ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất báo cáo tài chính riêng của mình và của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát, trừ các trường hợp : quyền kiểm soát Công ty mẹ chỉ là tạm thời hoạt động công ty con bị hạn chế trong thời gian dài và ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho Công ty mẹ

Công ty mẹ không được loại trừ ra khỏi báo cáo tài chính hợp nhất các báo cáo tài chính của công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt .

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo nguyên tắc kế toán và nguyên tắc đánh giá theo chuẩn mực kế toán số 21 "Trình bày báo cáo tài chính" và quy định các chuẩn mực kế toán khác .

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở áp dụng chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự trong tập đoàn .

Trình tự và phương pháp hợp nhất

Cộng hợp các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trong tập đoàn .

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của từng công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có) .

Phân bổ lợi thế thương mại (nếu có)

Tách và trình bày lợi ích cổ đông thiểu số thành chỉ tiêu riêng biệt .

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong tập đoàn .

Lập các bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất .

Lập báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào Bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ .

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở các báo cáo riêng của Công ty mẹ và các công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất :

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ

Vốn đầu tư của Công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con .

Lợi ích cổ đông thiểu số cũng như lợi thế thương mại và lợi thế thương mại âm (nếu có))

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu ...

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền :

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	2.297.328.395	673.220.787
Công ty cổ phần xây dựng 47	2.200.322.501	652.361.200
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	97.005.894	20.859.587
- Tiền gửi ngân hàng	37.730.468.917	23.115.856.185
Công ty cổ phần xây dựng 47	36.895.258.839	23.068.095.322
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	835.210.078	47.760.863
Tổng cộng	40.027.797.312	23.789.076.972

2. Các khoản phải thu khác :

	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản phải thu khác :	3.381.543.918	4.596.670.558
Công ty cổ phần xây dựng 47	3.206.743.026	4.530.136.516
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	174.800.892	66.534.042
Tổng cộng	3.381.543.918	4.596.670.558

3. Tài sản ngắn hạn khác :

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	8.903.043.827	11.270.836.742
Công ty cổ phần xây dựng 47	7.566.632.817	10.009.150.314
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	1.336.411.010	1.261.686.428
Tạm ứng	2.707.158.961	2.638.725.258
Công ty cổ phần xây dựng 47	2.704.347.941	2.635.914.238
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	2.811.020	2.811.020
Tổng cộng	11.610.202.788	13.909.562.000

4. Hàng tồn kho

Cuối năm	Đầu năm
-----------------	----------------

- Nguyên liệu, vật liệu	57.263.144.423	22.096.430.031
- Công cụ, dụng cụ	1.132.981.525	899.677.409
- Chi phí SX, KD dở dang	51.678.156.317	37.039.212.601
- Hàng hóa	298.560.112	282.011.435
Cộng giá gốc hàng tồn kho	110.372.842.377	60.317.331.476
5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang :	Cuối năm	Đầu năm
Mua sắm TSCĐ	16.464.240	16.464.240
Xây dựng cơ bản	2.243.294.768	296.917.577
Khách sạn Hải Âu	1.156.037.826	
Nhà 71 Biên Cương	911.051.374	133.502.444
Cty CP du lịch Hàm Hô	176.205.568	163.415.133
Cộng	2.259.759.008	313.381.817
6. Phải trả người bán và người mua trả trước :	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn :	59.316.460.041	40.295.507.629
Công ty cổ phần xây dựng 47	59.271.579.424	40.171.561.612
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	44.880.617	123.946.017
Người mua trả tiền trước	148.890.334.845	47.609.009.749
Tổng cộng	208.206.794.886	87.904.517.378
7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước :	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế GTGT	9.063.158.379	4.855.781.986
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	9.537.064	13.334.267
- Thuế TNDN	602.401.681	624.109.716
- Thuế TNCN	(99.800.000)	
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác	(37.166.827)	(36.684.644)
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	9.538.130.297	5.456.541.325
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác :	Cuối năm	Đầu năm
Các khoản phải trả, phải nộp khác :	43.096.347.539	31.273.155.829
Công ty cổ phần xây dựng 47	42.760.892.856	31.113.774.703
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	335.454.683	159.381.126
Tổng cộng	43.096.347.539	31.273.155.829
9. Các khoản vay và nợ dài hạn :	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn	99.490.082.242	64.622.613.613
Công ty cổ phần xây dựng 47	99.062.152.949	63.778.684.320
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	427.929.293	843.929.293
Tổng cộng	99.490.082.242	64.622.613.613
10. Vốn chủ sở hữu :	Cuối năm	Đầu năm
Cổ phiếu :	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.574.100	2.574.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	925.900	925.900
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
+ Cổ phiếu thường	2.574.100	2.574.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	925.900	925.900
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</i>	10.000 đồng/cổ phần	

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**11. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

<u>Nội dung</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Doanh thu bán hàng	605.981.336.965	462.765.732.239
Công ty cổ phần xây dựng 47	604.323.404.296	461.549.588.177
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	1.657.932.669	1.216.144.062
Các khoản giảm trừ doanh thu :	169.149.651	162.317.831

Doanh thu thuần :	605.812.187.314	462.603.414.408
--------------------------	------------------------	------------------------

12. Giá vốn hàng bán :

<u>Nội dung</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Giá vốn hàng bán	540.581.237.630	418.778.379.829
Công ty cổ phần xây dựng 47	539.487.201.167	417.979.293.654
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	1.094.036.463	799.086.175
Cộng	540.581.237.630	418.778.379.829

13. Doanh thu hoạt động tài chính :

<u>Nội dung</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Thu khác	1.519.408.028	63.954.250
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.841.527.796	337.356.551
Công ty cổ phần xây dựng 47	4.808.616.963	333.278.021
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	32.910.833	4.078.530
Cộng	6.360.935.824	401.310.801

14. Chi phí tài chính

<u>Nội dung</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Lãi tiền vay	37.504.455.939	16.965.448.297
Công ty cổ phần xây dựng 47	37.401.064.887	16.856.425.313
Công ty cổ phần du lịch Hàm Hô	103.391.052	109.022.984
Cộng	37.504.455.939	16.965.448.297

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

<u>Nội dung</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Chi phí nhân viên	5.151.204.872	3.845.291.842
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.935.000	194.049.192
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	886.293.106	669.460.689
- Thuế phí, lệ phí	1.224.353.889	813.317.789
- Chi phí tiếp khách	3.220.972.822	2.635.550.939
- Chi phí đồ dùng văn phòng	651.320.984	437.912.419
- Chi phí khác	852.120.298	831.795.335
- Chi phí khác bằng tiền	7.634.163.633	5.399.339.487

Cộng**19.780.364.604****14.826.717.692****V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC :****1. Thông tin về các bên liên quan :**

Công ty cổ phần thủy điện Định Bình là công ty liên kết với Công ty cổ phần xây dựng 47 từ năm 2006 với số dư góp vốn với số dư lần lượt là : năm 2006 dư 5.764.440.000 đồng, năm 2007 dư 13.200.000.000 đồng và số dư đến cuối ngày 31 tháng 12 năm 2008 là : 13.200.000.000 đồng .

2. Thông tin về hoạt động liên tục :

Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban giám đốc khẳng định Công ty vẫn hoạt động và tuân theo những chính sách đã đề ra .

3. Thông tin so sánh :

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty mẹ là Công ty CP xây dựng 47 và Công ty con là Công ty CP du lịch Hàm Hô đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán & kế toán Hà Nội .

Ngày 20 tháng 02 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC